

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 19.9.2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.
2. Ông Dương Hồng Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐHPT ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Bích T, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, 02 vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày, anh H thường xuyên nhậu nhẹt và có hành vi bạo lực

gia đình với chị, do đó từ đầu năm 2020 chị và các con về lại nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy hai bên đã không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Văn H có 04 người con chung Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 2002; Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2005; Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 2012. Hiện nay 02 con Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1999; Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 2002 đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 02 con Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2005 và Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 2012 hiện đang sinh sống với chị, sau ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Đoàn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Văn H không đến Tòa án để trình bày ý kiến mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H không đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị Bích T, anh mong muốn được đoàn tụ với chị T để cùng nhau chăm sóc, dạy dỗ các con.

Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do anh Nguyễn Văn H vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật; nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích T nộp đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H (cư trú tại: thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thị Bích T về yêu cầu ly hôn: Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án xác định được chị Đoàn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào năm 1998. Quá trình chung sống, giữa chị Đoàn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay hai bên đã không còn chung sống, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H không đồng ý ly hôn với chị T và mong muốn được đoàn tụ với chị T nhưng không được chị T đồng ý, anh H cũng không đưa ra được các căn cứ hay hành động cụ thể để chứng minh cho mong muốn được hàn gắn đoàn tụ với chị T, hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập và tiến hành các phiên hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt, cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Như vậy có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc chị Đoàn Thị Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con: quá trình chung sống, chị Đoàn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Thúy O, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị Thúy N và Nguyễn Thị Thúy N1. Hiện nay 02 con chung Nguyễn Thị Thúy O và Nguyễn Thị Thúy A đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 02 con chung Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2005 và Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 2012; sau ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, 02 cháu Nguyễn Thị Thúy N và Nguyễn Thị Thúy N1 hiện nay đang sinh sống với chị T, chị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con, đồng thời 02 cháu Nguyễn Thị Thúy N và Nguyễn Thị Thúy N1 cũng có nguyện vọng được ở cùng chị T. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định về thể chất cũng như tinh thần của 02 cháu Nguyễn Thị Thúy N và Nguyễn Thị Thúy N1, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Thị Thúy N và Nguyễn Thị Thúy N1 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Đoàn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa có cơ sở, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: chị Đoàn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích T, chị Đoàn Thị Bích T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2005 và Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 2012 cho chị Đoàn Thị Bích T được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay 02 cháu Nguyễn Thị Thúy N và Nguyễn Thị Thúy N1 đang ở với chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000284 ngày 23/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận; Chị Đoàn Thị Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: chị Đoàn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19.8.2022).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nàng Hương**